

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ, huyện Nông Cống đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ số 1519/SXD-QH ngày 14/03/2022 của Sở Xây dựng; số 1568/SGTVT-KHTC ngày 01/4/2022 của Sở Giao thông vận tải; số 618/SNN&PTNT-KHTC ngày 24/02/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 61/TĐ-KTHT ngày 21/4/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với nội dung như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Xã Tân Thọ là xã thuộc vùng chiêm trũng nằm ở phía Bắc huyện Nông Cống, cách trung tâm huyện 16 km. Vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp xã Tân Ninh (Triệu Sơn);
- Phía Nam giáp xã Tân Khang;
- Phía Đông giáp xã Tân Phúc và Tân Khang;
- Phía Tây giáp xã Tân Ninh (Triệu Sơn).

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

a) Mục tiêu: Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 17/11/2021.

b) Tính chất chức năng và kinh tế chủ đạo của xã:

- Tính chất, chức năng: Tân Thọ có địa hình khá bằng phẳng, độ cao chênh lệch ít, thuận lợi cho việc phát triển sản xuất Nông Nghiệp và các lĩnh vực kinh tế xã hội khác.

- Kinh tế chủ đạo: Nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao; thương mại dịch vụ, phát triển Cụm công nghiệp.

3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

+ Đến năm 2025: khoảng 5.660 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,7%/năm.

+ Đến năm 2030: khoảng 6.097 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,7%/năm.

3.1.2. Quy mô lao động

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động khoảng 3.396 người.

- Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động khoảng 3.658 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

* Chỉ tiêu hạ tầng xã hội

Nội dung	Chỉ tiêu
1. Công sở cấp xã	- Diện tích đất xây dựng: $\geq 1.000 \text{ m}^2$. - Diện tích sử dụng: $\geq 500 \text{ m}^2$.

Nội dung	Chỉ tiêu
2. Nhà trẻ, trường mầm non	- Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh 12 m ² /học sinh. - Xây mới diện tích tối thiểu 15 m ² /học sinh. - Quy mô trường không quá 20 lớp/trường.
3. Trường tiểu học	- Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh 10 m ² /học sinh. - Xây mới diện tích tối thiểu 15 m ² /học sinh. - Quy mô trường không quá 30 lớp/trường.
4. Trường THCS	- Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh 10 m ² /học sinh. - Xây mới diện tích tối thiểu 15 m ² /học sinh. - Quy mô trường không quá 45 lớp/trường.
5. Trạm y tế xã	- Diện tích đất ≥ 500 m ² (nếu có vườn thuốc ≥ 1.000 m ²)
6. Trung tâm văn hóa - thể thao	- Cụm các công trình thể thao, bao gồm: 01 sân bóng đá, 02-04 sân tập từng môn, 01 nhà tập thể thao, 01 hồ bơi (nếu có). - Nhà văn hóa xã: ≥ 1.000 m ² . - Nhà văn hóa thôn: ≥ 500 m ² . - Cụm các công trình thể thao, bao gồm: 01 sân bóng đá, 02 đến 04 sân tập từng môn, 01 nhà tập thể thao, 01 hồ bơi đơn giản (nếu có) + DT sân thể thao: ≥ 100 m ² /sân tập từng môn + Nhà thể thao đơn giản: ≥ 100 m ² /nhà tập + Bể bơi đơn giản: ≥ 400 m ² /bể - Chỉ tiêu đất thể thao : 2-3m ² /người + Diện tích đất XD ≥ 4.000 m ²
7. Chợ	- Tối thiểu mỗi xã có 1 chợ - Quy mô DT: ≥ 3000 m ² /chợ/xã - Diện tích đất XD: ≥ 16 m ² / điểm kinh doanh - Diện tích sử dụng: ≥ 3 m ² /điểm kinh doanh
8. Điểm phục vụ BCVT	- Diện tích đất xây dựng ≥ 150 m ² / Điểm.

* Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Nội dung	Chỉ tiêu
III. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật	
1. Nghĩa trang nhân dân	- Diện tích đất xây dựng cho một mộ phần : + Hung táng và chôn cất một lần : ≤ 5 m ² /mộ + Cát táng : ≤ 3 m ² /mộ
2. Khu xử lý chất thải rắn	- Khoảng cách ly vệ sinh : + Đến ranh giới khu dân cư : ≥ 3.000 m

Nội dung	Chỉ tiêu
	+ Đến công trình xây dựng khác: ≥ 1.000 m
3. Giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Đường huyện, đường xã: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5 m; Chiều rộng nền đường tối thiểu 6,0 m; Chiều rộng lề đường tối thiểu 1,25 m. - Đường thôn: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m; Chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m; Chiều rộng lề đường tối thiểu 0,5 m. - Đường dân sinh: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0 m; Chiều rộng nền đường tối thiểu 3,0 m; - Đường kết nối khu vực sản xuất: Quy hoạch chiều rộng nền đường tối thiểu 2,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5m.
4. Cấp điện	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: + Điện năng ≥ 200 KWh/người/năm + Phụ tải : ≥ 150w/ người - Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của hoặc cụm xã
5. Cấp nước	<ul style="list-style-type: none"> + Có trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống: ≥ 80 lít/người/ngày + Có đường ống và vòi nước dẫn đến hộ gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày + Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40 lít/ người/ngày.
6. Thoát nước	<ul style="list-style-type: none"> - Phải có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa - Thu gom được $\geq 80\%$ lượng nước cấp
7. Cây xanh	- Cây xanh công cộng ≥ 2 m ² /người

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Khu trung tâm của xã hiện nay tương đối hoàn chỉnh. Nằm trên trục đường xã, kết nối tất cả các thôn trong xã thông qua hệ thống giao thông nông thôn, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế, chợ...

4.2. Các khu dân cư tập trung:

Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng thôn nông thôn mới nâng cao.

4.3. Các khu vực sản xuất nông nghiệp:

Diện tích bao gồm tất cả các thôn, tập trung hình thành các vùng sản xuất lúa theo hướng VietGap, hướng hữu; các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, khu trang trại chăn nuôi, ...

4.4. Khu vực trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Tổng diện tích khoảng 69,23 ha.

4.5. Khu vực sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, cụm công nghiệp:

Trên cơ sở định hướng đó xã quy hoạch mở rộng quy mô sản xuất của cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong sản xuất các mặt hàng: Làm cói, chiếu, mộc, vận tải, xay xát, xây dựng, mây tre đan, kỹ nghệ sắt nhôm kính,... liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm một cách bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo thu nhập ổn định cho người lao động tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham quan, học hỏi, du nhập các ngành nghề mới, mở rộng các mô hình, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

- Loại hình: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

Quy hoạch không gian trung tâm xã trên cơ sở lựa chọn các giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và hiện trạng của địa phương.

Vị trí quy hoạch khu trung tâm nằm ở trung tâm của xã Tân Thọ.

Diện tích dự kiến quy hoạch Trung tâm xã Tân Thọ khoảng 48 ha bao gồm: Khu trụ sở UBND xã, trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, chợ, bưu điện văn hóa xã, ... diện tích đất lúa và lúa màu nằm xen kẽ giữa các dân cư các thôn và các tuyến đường giao thông dân sinh hiện có. Theo đó trong giai đoạn tới quy hoạch trung tâm xã theo hướng:

- Là trung tâm hành chính, văn hóa với các tiện nghi về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật;

- Phân bố các khu chức năng chặt chẽ, mạng lưới giao thông và phân bố dân cư hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sử dụng hợp lý quỹ đất xây dựng tạo nên không gian quy hoạch - kiến trúc, cảnh quan hiện đại, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và môi trường xã hội;

- Đối với công trình công cộng: Quy hoạch tổng hợp các công trình hành chính, văn hóa, thể thao, giáo dục vào khu vực trung tâm xã tạo nên sự thuận lợi về mặt tổ chức, quản lý hành chính, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho trung tâm xã;

- Cây xanh khuôn viên: Tổ chức trồng các loại cây theo từng bậc từ thấp đến cao tạo sự thông thoáng đối với khu dân cư nông thôn. Không trồng các loại cây có nhựa độc, có hoa quả hấp dẫn ruồi muỗi, cây có gai trong trạm y tế, trường

học, trường mầm non, cần trồng các loại cây cao, bóng mát và có tác dụng làm sạch không khí.

5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư

a) Đối với điểm dân cư hiện tại

Do yếu tố lịch sử một số khu vực dân cư đã được xây dựng trước đây công tác quy hoạch chưa được chú trọng. Do đó hệ thống hạ tầng, khuôn viên, tường rào chưa đảm bảo cần phải điều chỉnh phù hợp với quy hoạch. Trong kỳ điều chỉnh cần chỉnh trang, nâng cấp, cải tạo hạ tầng kỹ thuật với các tiêu chí:

- Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác. Khu vực đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực chưa ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Các giải pháp cải thiện điều kiện sống của nhân dân trong các điểm dân cư cũ như tổ chức lại các không gian chức năng, nâng cấp mạng lưới giao thông và các công trình đầu mối kỹ thuật.

- Rà soát lại sự phân bố dân cư theo các quy hoạch đã và đang thực hiện. Tùy theo tiềm năng và thế mạnh về phát triển kinh tế của địa phương xác định rõ mô hình xã nông nghiệp, xã phi nông nghiệp, xã có nghề truyền thống, dịch vụ du lịch, thương mại.

- Cần đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khi có yêu cầu thay đổi chức năng sử dụng đất, cho các điểm dân cư ở các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai bất buộc phải di dời.

- Cần chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ lẻ xen lẫn với đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Đối với khu dân cư mới

- Các điểm dân cư mới (là quỹ đất dành cho giãn dân thường xuyên, quỹ đất đầu tư tạo nguồn vốn để xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường trạm) trên quan điểm vị trí đất dân thôn nào nằm trên địa phận thôn đó tránh gây xáo trộn quỹ đất ở, vị trí lựa chọn đất ở sẽ dần lấp đầy vị trí đất xen ghép trong các khu dân cư hiện tại.

- Các giải pháp đối với phát triển và cải tạo không gian khu dân cư:

- + Mật độ xây dựng trong lô đất tối đa 40%.

- + Khai thác quỹ đất trống để làm các điểm nghỉ, điểm tránh và quay xe.

- + Tăng cường trồng cây xanh bên đường.

Đối với các khu dân cư nông thôn mở mới phải tuân thủ theo các quy định trong QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và theo các nguyên tắc sau:

+ Khu đất xây dựng điểm dân cư phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới điểm dân cư, đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân. Khoảng cách từ điểm dân cư đến khu vực canh tác $\leq 2\text{km}$.

+ Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển tương lai.

+ Dàn lấp đầy những vị trí đất kẹp trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

+ Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

+ Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

+ Đảm bảo yêu cầu về cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ.

+ Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng...

+ Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cho các điểm dân cư phải phù hợp với điều kiện đất đai của từng địa phương.

* Tổ chức không gian kiến trúc

- Nhà ở thuần nông xây mới:

+ Diện tích: $\geq 250 \text{ m}^2/\text{hộ}$.

+ Nhà chính có từ 3 - 5 gian, cao 1 - 3 tầng hoặc 1,5 tầng.

+ Chức năng của nhà chính giữ nét truyền thống: làm nơi thờ cúng, tiếp khách, sinh hoạt.

+ Nhà phụ gồm: kho nông sản, nông cụ.

+ Công trình chăn nuôi tách khỏi khu vực nhà chính và khu công trình phụ, xây dựng theo quy trình loại hình chăn nuôi theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Sân bố trí trước nhà chính (có thể có vườn, ao cá, hàng rào cây xanh).

- Nhà ở kết hợp làm dịch vụ:

+ Diện tích: $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Loại 1: có cấu trúc như nhà ở thuần nông, xây dựng 1-2 tầng, nhà dịch vụ xây bên cạnh nhà chính.

+ Loại 2: xây dựng nhà 2 - 3 tầng áp dụng cho những khu đất hẹp. Tầng 1 kinh doanh dịch vụ, tầng 2, 3 để ở.

- Khuyến khích nâng tầng tạo bộ mặt nông thôn mới.

- Xây dựng công trình vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt, sản xuất.

- Tổ chức mặt bằng phù hợp với loại hình kinh doanh, sản xuất.

Dự báo dân số xã Tân Thọ đến năm 2030 là 6.097 người tăng 843 người so với hiện trạng năm 2020. Căn cứ quy chuẩn số 01:2021/BXD, Chỉ tiêu sử dụng đất ở là $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ và chỉ tiêu sử dụng đất trong khu dân cư nông thôn chiếm khoảng 40% diện tích toàn khu. Như vậy tổng nhu cầu đất dân cư nông thôn đến năm 2030 là 5,27 ha.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất khu dân cư nông thôn, dự kiến quy hoạch mới 10,18 ha đất ở bao gồm các vị trí sau:

- + Quy hoạch đất ở khu Đồng Nưa : 8,82 ha;
- + Quy hoạch đất ở thôn Mỹ Thanh : 1,36 ha;

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Khu sản xuất nông nghiệp

*** Trồng trọt**

Dựa theo lợi thế phát triển của vùng, nhu cầu thị trường nông sản hàng hóa xã Tân Thọ, định hướng bố trí cơ cấu diện tích các loại đất trồng cây phù hợp đến năm 2030. Cùng với việc đầu tư mạng lưới giao thông nội đồng, cứng hóa kênh mương, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

- **Cây lúa:** Đến năm 2030, hoàn tất việc bố trí khoanh vùng, chuyển đổi và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông thủy lợi, đưa các loại giống lúa có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất trên đất 2 vụ lúa, dựa trên quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất của từng xứ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Định hướng sản xuất lúa theo hướng VietGap, hướng hữu cơ tại cánh đồng Bái 27,6 ha, đồng Ngoài 23,0 ha.

- **Cây ngô:** Chú trọng chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tập trung trồng trên đất lúa, vừa góp phần đảm bảo an ninh lương thực vừa cung cấp phụ phẩm làm thức ăn cho chăn nuôi, sử dụng các giống ngô có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, khả năng chống chịu tốt.

- **Cây rau các loại:** Phát triển rau theo hướng đa dạng về chủng loại, tập trung một số loại cây trồng chính như rau ăn lá, ăn củ như dưa chuột, su hào, bắp cải, cà chua, ... áp dụng các biện pháp luân canh phù hợp với từng mùa vụ, từng loại đất. Trong giai đoạn tới xây dựng vùng sản xuất rau an toàn, chất lượng cao, khuyến khích người dân thực hành quy trình sản xuất rau an toàn theo hướng VietGap, khuyến khích trồng rau trái vụ, từng bước ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất rau, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

- **Trồng cây ăn quả:** Tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa kém hiệu quả thuộc các vùng chiêm trũng sang trồng các loại cây ăn quả khác như: Bưởi, mít, thanh long, ...

* Chăn nuôi

Tăng nhanh giá trị sản xuất cũng như tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 45% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, trên cơ sở hình thành những khu chăn nuôi tập trung, gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ và đảm bảo thực phẩm, nhằm bảo vệ môi trường trong, sạch.

Xây dựng hệ thống chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi một cách đồng bộ, áp dụng những phương pháp chăn nuôi mới, từng bước áp dụng công nghệ khoa học hiện đại, ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cũng như tăng giá trị sản phẩm.

Gia tăng cả về số lượng, chất lượng tổng đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt chú trọng các giống vật nuôi có giá trị và hiệu quả kinh tế cao. Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng lấy thịt, có chất lượng cao.

Phát triển chăn nuôi kết hợp một cách đồng bộ với các dịch vụ kỹ thuật, công tác thú y, nhân giống, sản xuất thức ăn đảm bảo từ cung cấp tới vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm giúp người dân yên tâm đầu tư vào sản xuất.

Dự kiến đến năm 2030 sẽ bố trí quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung nhằm thực hiện tốt những yêu cầu đặt ra trong quá trình quy hoạch chung xây dựng xã.

Đến năm 2030, diện tích đất phát triển mô hình trang trại tổng hợp là 19,85 ha, được tập trung tại thôn Phú Quý và thôn Mỹ Thanh.

- **Bố trí đàn gia súc:**

+ **Đàn lợn:** Tiến hành bố trí quy hoạch phát triển đàn lợn theo hướng chăn nuôi lợn lai hướng nạc, chú trọng phát triển đàn lợn nái có chất lượng cao nhằm cung cấp giống có chất lượng cao trên thị trường, nâng cao tỷ lệ lợn hướng nạc trong cơ cấu đàn lợn thịt.

+ **Đàn trâu, bò:** Dự kiến, trong những năm tới xây dựng mới hệ thống chuồng trại, chăn nuôi theo hướng lấy thịt, làm đa dạng hoá sản phẩm chăn nuôi trên thị trường; theo hình thức tập trung, kết hợp với chăn nuôi ở các hộ gia đình, đưa các loại giống tốt, thích hợp với điều kiện của xã vào chăn nuôi, nhằm mang lại hiệu quả cao, nâng cao số lượng và chất lượng đàn, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp.

+ **Bố trí đàn gia cầm:** Trong chăn nuôi gia cầm, dự kiến mở rộng quy mô cả về số lượng và chất lượng đàn trong đó gà là vật nuôi chủ lực, chăn nuôi vịt, ngan với số lượng phù hợp với điều kiện tự nhiên.

- **Quy hoạch sản xuất thủy sản:** Diện tích nuôi thủy sản chủ yếu là những ao, hồ nhỏ với tổng diện tích là 5,99 ha; tập trung đầu tư cải tạo nạo vét lòng ao, hồ, xây dựng bờ kè kiên cố, cống tiêu thoát nước, tạo ra cảnh quan thân thiện và

hài hòa với thiên nhiên, khuyến khích phát triển nuôi những loại thủy sản có năng suất và giá trị kinh tế, nhằm đa dạng thủy sản trên thị trường.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Theo Quy hoạch vùng được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt, quy hoạch mới 01 Cụm công nghiệp Tân Thọ với quy mô là 50 ha, gần với đường Nghi Sơn – Sao Vàng thúc đẩy kinh tế - xã hội và giải quyết lao động khu vực phía Bắc của huyện.

Duy trì sản xuất các ngành nghề TTCN, các làng nghề, HTX dịch vụ nông nghiệp hiện có, đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích du nhập các nghề mới. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hướng vào chuỗi giá trị, chế biến tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa trên thị trường; gắn kết phát triển sản xuất CN-TTCN, dịch vụ với phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập ổn định cho người lao động.

Tập trung huy động nguồn lực trong nhân dân thông qua thực hiện quy chế dân chủ, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn hỗ trợ của nhà nước và các tổ chức, từ các chương trình để xây dựng nông thôn mới nâng cao, tiếp tục bê tông hóa giao thông nông thôn, đường làng, ngõ xóm 100%, hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng đạt từ 90% trở lên, thu hút các nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp về đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng để hoàn thành xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

Tiếp tục phát triển mạnh dịch vụ thương mại, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phát triển, đáp ứng nhu cầu về mặt bằng sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp, cung ứng dịch vụ sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân. Đẩy mạnh phát triển và mở rộng các ngành kinh doanh dịch vụ, cả quy mô và loại hình khai thác.

Thực hiện xây dựng chợ, duy trì và nâng cao chất lượng chợ an toàn thực phẩm, khuyến khích xây dựng cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm nông nghiệp sạch, đảm bảo sức cạnh tranh theo lộ trình quy hoạch phát triển kinh tế vùng phía nam của huyện, thuộc vùng phụ cận của khu công nghiệp Tượng Lĩnh, khu sinh thái hồ Yên Mỹ và khu kinh tế Nghi Sơn.

Phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo để người lao động có cơ hội tìm việc làm, chú trọng công tác đào tạo nghề tại chỗ phù hợp với điều kiện và thu nhập của người dân. Làm tốt công tác xuất khẩu lao động.

5.4. Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030		
		DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT QH đến năm 2030 (m ²)
1	Công sở UBND xã, nhà văn hoá xã	9.300	Giữ nguyên vị trí	thôn Phú Quý	9.300
2	Bưu điện văn hoá xã	150		thôn Phú Quý	150
3	Trạm y tế xã	1.000		thôn Mỹ Thanh	1.000
4	Trường THCS	4.750		thôn Mỹ Thanh	4.750
5	Trường mầm non	2.534	Mở rộng	thôn Phú Quý	5.134
6	Trường tiểu học	5.706	Mở rộng	thôn Mỹ Thanh	7.306
7	Sân vận động trung tâm xã		Quy hoạch mới	thôn Phú Quý	13.000
8	Trụ sở BCH quân sự xã		Quy hoạch mới	thôn Phú Quý	800
9	Trụ sở công an xã		Quy hoạch mới	thôn Phú Quý	1.000
II	Công trình ngoài khu trung tâm				
1	Nhà văn hóa thôn Phú Quý	800	Quy hoạch mới	thôn Phú Quý	3.000
2	Nhà văn hóa thôn Thái Bình	1.000	Quy hoạch mở rộng	thôn Thái Bình	2.100
3	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thanh	1.000	Giữ nguyên vị trí	thôn Mỹ Thanh	1.000
4	Sân thể thao thôn Mỹ Thanh	4.300	Giữ nguyên vị trí	thôn Mỹ Thanh	4.300
5	Mở rộng chùa Khánh Hưng	400	Quy hoạch mở rộng	thôn Mỹ Thanh	1.100

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

* Chuẩn bị kỹ thuật

Định hướng cao độ nền xây dựng:

- Tôn trọng địa hình tự nhiên: Cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên, các khu xây dựng mới, cao độ nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cao nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Chi không ché cao độ xây dựng tại một số khu vực xây dựng tương đối lớn;
- San nền cục bộ tại các điểm xây dựng nhỏ lẻ.

- Độ dốc san nền: phải thuận tiện cho giao thông trong khu vực, đảm bảo nước tự chảy.

- Hướng dốc san nền: Hướng về các sông, khe tự nhiên và các hệ thống kênh mương mới được đầu tư xây dựng.

Để đảm bảo tiêu úng tốt cho các tiểu vùng, trước mắt cần nạo vét khơi dòng các khe suối dẫn nước đảm bảo dòng chảy tốt khi mưa lớn kéo dài. Từng bước kiên cố hóa, xây mới hệ thống kênh tiêu, mở rộng mặt cắt kênh dẫn nước để có thể tiêu thoát nước nhanh khi mưa lớn kéo dài.

6.1. Hệ thống giao thông

a) Các tiêu chuẩn áp dụng

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005, áp dụng với các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên xã, đường xã.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10380:2014 đường giao thông nông thôn, áp dụng với các tuyến nội thôn, liên thôn, trục thôn, nội đồng.

- Đường trục xã, liên xã đạt chuẩn kỹ thuật đường tiêu chuẩn, quy mô mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; lề đường 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m

- Đường trục thôn, xóm phải đạt đường cấp A hoặc B

- Đường làng, ngõ xóm phải đạt cấp B hoặc cấp C

Bảng: Qui định về chiều rộng tối thiểu của mặt đường, lề đường, chiều rộng nền đường đối với các cấp đường GTNT

Cấp kỹ thuật của đường	Tốc độ thiết kế km/h	Chiều rộng nền (m)	Chiều rộng mặt (m)	Chiều rộng lề (m)
A	30 (20)	6,5 (6,0)	3,5	1,50 (1,25)
B	20	5,0 (4,0)	3,5 (3,0)	0,75 (0,5)
C	15	4,0 (3,0)	3,0 (2,0)	

b) Quy hoạch phát triển giao thông

- Theo quy hoạch vùng đến năm 2045, trên địa bàn xã Tân Thọ sẽ thực hiện nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL 47C và QL 47B; xây dựng 2 tuyến đường huyện mới là tuyến đường ĐH.NC 08 và ĐH.NC 02 theo quy chuẩn; mở rộng, nâng cấp tuyến đường ĐH.NC 07 với tổng chiều dài 3 tuyến khoảng 5,3 km. Ngoài ra đến năm 2030 xã dự kiến mở rộng tuyến đường giao thông từ QL 47C đến đường huyện ĐH.NC 02 với chiều dài khoảng 230 m.

- Các tuyến đường ĐH.NC 07, ĐH.NC 08, ĐH.NC 02; mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư 2 x 5,0 m; Lộ giới 17,5m.

- Đường trục xã: Lòng đường 7,5m; lề đường 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m;

- Đường trục thôn, liên thôn (loại A): Lòng đường 4,5m; lề đường 2 x 1,5m; lộ giới 7,5m;

- Đường nội thôn (*loại B*); đường trục chính nội đồng (*loại C*) quy hoạch quy mô theo tiêu chuẩn quy định.

6.2. Cấp điện

Hiện tại trên địa bàn xã Tân Thọ có 03 trạm biến áp với tổng công suất là 610 KVA chưa đủ so với nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 của toàn xã.

Để đáp ứng đủ nhu cầu của người dân trong xã, giai đoạn 2021-2030 dự kiến nâng cấp các trạm biến áp thôn hiện có. Bên cạnh đó, dự kiến đầu tư xây dựng hạng mục:

- + Quy hoạch mới 01 trạm biến áp thôn Thái Bình công suất 250 KVA.
- + ĐZ và TBA 4 xã Tân Thọ - huyện Nông Cống công suất 250 KVA.
- + Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA; Đa chia đa nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cao khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110kV.

Nâng cấp toàn bộ hệ thống đường điện trên địa bàn theo quy chuẩn.

Trên địa bàn xã Tân Thọ có hệ thống đường dây truyền tải điện 110kV đi qua, do vậy cần bố trí hành lang an toàn lưới điện đảm bảo theo quy định được ban hành tại Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/08/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp. Theo đó Hành lang bảo vệ an toàn của đường dây dẫn điện trên không là khoảng không gian dọc theo đường dây và được giới hạn như sau:

- Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp;

- Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định là 4 m;

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định là 3 m.

Hệ thống đường dây điện dân sinh tại một số khu dân cư đã cũ và xuống cấp, đường dây dài quá so với điểm đặt trạm máy biến áp. Thời gian tới cần tiếp tục bổ sung lưới điện cho vùng dân cư mới phát sinh và sửa chữa, thay thế một số đường dây, cột điện đã xuống cấp để đảm bảo tốt hơn nhu cầu cung cấp điện cho sinh hoạt nhân dân và cho sản xuất, nhất là nhu cầu điện cho các khu tái định cư.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

Trải qua kỳ thực hiện nông thôn mới giai đoạn 2012-2020, xã đã quy hoạch hệ thống cấp nước máy từ Nhà máy nước sạch Triệu Sơn, tại xã Tân Ninh (nay là thị trấn Nưa). Tuy nhiên do gặp khó khăn trong việc vận động người dân lắp đặt ống dẫn nước về gia đình, lắp đặt đồng hồ nước nên số hộ dân dùng nước máy

chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Dự kiến đến năm 2030 nhu cầu sử dụng nước máy của người dân sẽ tăng lên, do vậy cần quy hoạch hệ thống cấp nước hợp lý.

*** Dự kiến mạng lưới đường ống**

- Thiết kế cấu tạo mạng cấp nước là mạng cụt, từ các ống chính $\Phi 110 \div 95$ mm nối các ống có đường kính từ $\Phi 75 \div 63$ mm vào các thôn.

- Sử dụng ống nhựa uPVC đối với đường kính ống $\Phi 110 \div 90$ mm và ống HDPE với đường kính ống $\Phi 75 \div 63$ mm. Độ sâu đặt ống tối thiểu 0,7 m.

*** Sơ đồ nguyên lý**

Trạm cấp \longrightarrow Tuyến chính \longrightarrow Tuyến nhánh \longrightarrow Hộ gia đình

- Mạng cấp nước cho xã thiết kế mạng cấp nước xương cá.

*** Các yêu cầu và tiêu chuẩn áp dụng**

- Tính toán hệ thống cấp nước sinh hoạt điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo cấp nước cho các giai đoạn quy hoạch ngắn hạn là 10 năm và dài hạn là 20 năm; phải thoả mãn các yêu cầu ăn uống, sinh hoạt, sản xuất chế biến nông sản và các ngành sản xuất công nghiệp khác.

- Cần bố trí trạm cấp nước tập trung gần các nguồn nước (nước mặt, nước ngầm), đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước như sau:

+ Có trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống cấp thoát nước: ≥ 80 lít/người/ngày;

+ Có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày;

+ Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40 lít/người/ngày.

- Chất lượng nguồn nước phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đối với nguồn nước mặt: Phù hợp với quy định QCVN 08: 2008/BTNMT

- Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Đối với nguồn nước ngầm: Phù hợp với quy định QCVN 09: 2008/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước ngầm.

+ Quy định khoảng cách ly nguồn nước: Đối với nguồn nước ngầm, trong phạm vi bán kính 20 m tính từ giếng, không được xây dựng các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước. Đối với nguồn nước mặt, trong khoảng 200 m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm nguồn nước.

Nước sạch sau khi được xử lý sẽ được đưa theo các ống chính, dọc theo một số đường giao thông chính và đường liên thôn của xã. Các đường ống nhánh nối với đường ống chính đến tường hộ gia đình.

*** Quy hoạch hệ thống cấp nước**

- Tính toán sơ bộ nhu cầu nước xã Tân Thọ, theo quy chuẩn số 01:2021/BXD, tiêu chuẩn dùng nước cho dân cư nông thôn là: 100 (l/người/ngày đêm), với tỷ lệ cấp nước là: 100%; Tiêu chuẩn dùng nước cho dân cư nông thôn

giai đoạn đến năm 2030 là: 120 (l/người/ngày đêm), với tỷ lệ dân số được cấp nước là: 100%. Như vậy nhu cầu dùng nước sạch sinh hoạt của toàn xã sẽ là:

$$Q_{SH} = \frac{\sum q_i \times N_i \times K_{ngđ}}{1000} \times i \% \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

Trong đó:

+ $\sum q_i$: Tổng tiêu chuẩn dùng nước cho một người trong một ngày đêm.

+ N_i : Số dân cư dự kiến giai đoạn tính toán.

+ $K_{ngđ}$: Hệ số dùng nước không điều hòa ngày đêm ($K_{ngđ} = 1,3$).

+ i : Phần trăm dân số được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn.

Bảng: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt xã Tân Thọ đến năm 2030

STT	Thôn	Năm 2025			Năm 2030		
		Người	Định mức 120 l/người/ngày đêm	Q (m3)	Người	Định mức 120 l/người/ngày đêm	Q (m3)
	Tổng	6.097	120	951	6.097	120	951
1	Mỹ Thanh	1.873	120	292	2.018	120	315
2	Thái Bình	1.612	120	252	1.737	120	271
3	Phú Quý	1.995	120	311	2.148	120	335
5	Tân Ấp	180	120	28	194	120	30

Với nhu cầu sử dụng nước của xã Tân Thọ được dự báo như trên, có 2 phương án được đặt ra:

+ Cải tạo giếng nước và bể nước hiện có.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt bao gồm trạm xử lý và hệ thống đường ống đến từng gia đình.

Phương án 1 ít tốn kém hơn nhưng về lâu dài không đảm bảo yêu cầu, nên triển khai theo phương án 2: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho toàn xã.

- Quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước

Quy hoạch thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã, đường ống cấp nước từ D110 - D350.

Xây dựng tuyến cấp nước từ trạm cấp nước lắp đặt đường ống nước chạy dọc theo đường liên thôn cung cấp nước cho toàn bộ thôn. Đường ống cấp từ D110-D250.

Tập trung ưu tiên cho các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động của các công trình kém bền vững, không hoạt động nhằm thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước; tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch nông thôn, công tác quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sau đầu tư; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm

nâng cao nhận thức cho người dân về tầm quan trọng của nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từ đó có ý thức bảo vệ đầu nguồn nước...

6.4. Hệ thống thủy lợi, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

** Hệ thống thủy lợi*

Định hướng đến năm 2030 hoàn thiện hệ thống thủy lợi để đáp ứng 100% nhu cầu tưới, tiêu trên địa bàn xã; đồng thời hằng năm tiến hành nạo vét các tuyến kênh mương để đảm bảo lưu thông, chủ động lưu lượng nước phục vụ sản xuất trên toàn xã.

- Đối với vùng tiêu sông Hoàng: Thường xuyên rà soát, kiểm tra trạm bơm 2 trạm bơm tiêu Đá Bàn và Tân Thọ để kịp thời có phương án tu bổ, sửa chữa đảm bảo khả năng vận hành.

- Đối với vùng tiêu sông Nhôm:

+ Tiếp tục đầu tư các hạng mục tiêu thoát lũ cho vùng sông Nhôm theo quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Trên cơ sở Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Nhôm và Quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Nam Sông Chu, bổ sung tính toán tiêu chuẩn tiêu cho khu vực đến năm 2030. Lựa chọn tiêu chuẩn tiêu thoát cho vùng sông Nhôm như sau:

Cấp công trình tiêu: Cấp IV.

Tần suất thiết kế công trình tiêu: $P=10\%$.

Hệ số tiêu giai đoạn 2020 là 7,52 l/s/ha; giai đoạn 2030 là 8,4 l/s/ha.

+ Giải pháp tiêu tự chảy cho vùng sông Nhôm đến 2030 như sau:

Để giải quyết tiêu tự chảy cho vùng sông Nhôm cần phải nạo vét cả dòng chính sông Nhôm và các kênh tiêu nhánh. Nội dung nạo vét dòng chính sông Nhôm, cắt cỏ bầu, lên đê và xây mới, tu sửa cống dưới đê đã được thực hiện theo dự án tiêu thoát lũ sông Nhôm. Trên địa bàn xã Tân Thọ, tiếp tục đầu tư tiến hành nạo vét kênh tiêu Tân Thọ.

** Hệ thống thoát nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải đi chung với hệ thống thoát nước mưa. Cận các trục giao thông xã, thôn xây dựng hệ thống mương tiêu nước dọc các tuyến đường giao thông ngõ xóm, trục thôn xóm.

- Tỷ lệ thu gom nước thải và lựa chọn khu vực dân cư, khu tái định cư. Đối với vùng đồng bằng: Phải thu gom trên 80% lượng nước cấp để xử lý.

- Lựa chọn hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu thoát nước và đảm bảo vệ sinh. Sử dụng bể xí tự hoại hoặc hố xí hai ngăn hợp vệ sinh. Xây dựng hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong QCVN 14: 2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải của các làng nghề, khu công nghiệp, trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung. Nước thải làng nghề, khu công nghiệp phải xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo tiêu chuẩn TCVN 5945: 2005 - Nước thải công nghiệp.

Đối với nước thải từ các cơ sở chế biến nông sản phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến.

- Cấu tạo mạng lưới, giải pháp thiết kế, yêu cầu kỹ thuật các mương tiêu.

Vận tốc nước chảy trong cống lấy theo vận tốc tự chảy tối thiểu: $v \geq 0,7$ (m/s).

Độ dốc thiết kế phải lớn hơn độ dốc tối thiểu $i_{min} = 1/D$

- Ngoài ra, mỗi gia đình xây dựng đường ống thoát nước từ các hộ gia đình ra các mương tiêu thoát nước.

Đến năm 2030, xã Tân Thọ quy hoạch xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tại thôn Thái Bình nhằm thu gom và xử lý nước thải từ khu sản xuất kinh doanh và từ các khu dân cư. Trạm xử lý nước thải được xây dựng với diện tích 500 m² với công suất 200 m³/ngày. Theo thông tư 01/2021/TT-BXD, công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học với khoảng cách An toàn môi trường tối thiểu là 80 m; Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT quy hoạch mới với chiều rộng ≥ 10 m.

** Quản lý chất thải rắn*

- Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Hình thành các hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các hình thức khác để thực hiện thu gom chất thải rắn vô cơ từ các thôn tới các trạm trung chuyển và vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của huyện.

- Các thôn đã có tổ thu gom rác và tập kết tại bãi rác tập trung của huyện.

6.5. Khu nghĩa trang, nghĩa địa

Yêu cầu quy hoạch địa điểm nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu an táng trước mắt và lâu dài.

- Nghĩa trang xây dựng mới phải ở vị trí yên tĩnh, cao ráo, không sụt lún.

- Phải đảm bảo khoảng cách vệ sinh của nghĩa trang cát táng đối với khu dân cư: ≥ 100 m.

- Diện tích đất xây dựng cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 5 m². Diện tích sử dụng đất cho mỗi hộ cát táng tối đa không quá 3 m².

- Phải quy hoạch đường đi, cây xanh hàng rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và nhánh trong nghĩa trang phải có rãnh thoát nước mặt.

- Đối với các nghĩa trang hiện hữu cần cải tạo, chỉnh trang, trồng cây bóng mát và sắp xếp các ngôi mộ theo hàng, lối.

Hiện tại, xã có 3,59 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa, nằm ở các thôn. Do địa bàn rộng phân bố dân cư không tập trung và phong tục tập quán không đồng nhất nên không thể tập trung về một khu chôn cất chung cho toàn xã. Tuy nhiên, cần phải quản lý chặt chẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trong kỳ hoạch chung xây dựng xã, dự kiến bố trí quy hoạch mới nghĩa địa thôn Thái Bình với diện tích 1,43 ha và quy hoạch nghĩa trang khu Đồng ngoài thôn Mỹ Thanh diện tích 0,24 ha.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nông Công và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Công trình, dự án theo phân kỳ giai đoạn sử dụng đất đến năm 2030

STT	Tên dự án	Mã đất	Thôn, xóm, xứ đồng	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC			19,85	
1	Quy hoạch trang trại chăn nuôi TH	NKH	thôn Mỹ Thanh	13,90	NKH-02
2	Quy hoạch trang trại chăn nuôi TH	NKH	thôn Thái Bình	5,95	NKH-01
II	ĐẤT AN NINH			0,10	
1	Quy hoạch trụ sở công an xã	CAN	thôn Phú Quý	0,10	CAN-01
III	ĐẤT QUỐC PHÒNG			0,08	
1	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã	CQP	thôn Phú Quý	0,08	CQP-01
IV	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP			36,50	
1	Cụm công nghiệp Tân Thọ	SKN		36,50	SKN-01
V	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN			10,18	
1	Quy hoạch đất ở khu Đồng Nưa	ONT	thôn Phú Quý	8,82	ONT-01; ONT-04
2	Quy hoạch đất ở thôn Mỹ Thanh	ONT	thôn Mỹ Thanh	1,36	ONT-02; ONT-03
VI	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ			8,70	
1	Quy hoạch đất TM - DV	TMD	thôn Phú Quý	2,76	TMD-02
2	Quy hoạch đất TM - DV	TMD	thôn Phú Quý	0,52	TMD-03
3	Quy hoạch đất TM - DV	TMD	thôn Mỹ Thanh	1,52	TMD-04

STT	Tên dự án	Mã đất	Thôn, xóm, xứ đồng	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
4	Quy hoạch đất TM - DV	TMD	thôn Phú Quý	3,90	TMD-01
VII	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP			9,88	
1	Nhà máy đồ chơi xuất khẩu	SKC	thôn Phú Quý	9,88	SKC-01
VIII	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG			0,05	
1	ĐZ và TBA 4 xã Tân Thọ - huyện Nông Cống	DNL		0,01	DNL-02
2	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA; Đa chia đa nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cao khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110kV	DNL		0,04	
3	Trạm biến áp thôn Thái Bình	DNL	thôn Thái Bình	0,01	DNL-01
IX	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VĂN HÓA			0,41	
1	Mở rộng nhà văn hóa	DVH	thôn Thái Bình	0,11	DVH-02
2	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Phú Quý	DVH	thôn Phú Quý	0,30	DVH-01
X	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			0,42	
1	Mở rộng trường Mầm non Tân Thọ	DGD	thôn Phú Quý	0,26	DGD-01
2	Mở rộng khuôn viên trường Tiểu học Tân Thọ	DGD	thôn Mỹ Thanh	0,16	DGD-02
XI	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO			1,30	
1	Quy hoạch sân vận động trung tâm xã	DTT	thôn Phú Quý	1,30	DTT-01
XII	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO			0,07	
1	Mở rộng chùa Khánh Hưng	TON	thôn Mỹ Thanh	0,07	TON-01
XIII	ĐẤT LÀM NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ, NHÀ HỎA TÁNG			1,67	
1	Quy hoạch nghĩa địa	NTD	thôn Thái Bình	1,43	NTD-01
2	Quy hoạch nghĩa trang khu Đồng Ngoài	NTD	thôn Mỹ Thanh	0,24	NTD-02
XIV	ĐẤT GIAO THÔNG			0,27	
1	Mở rộng đường giao thông thôn Phú Quý + Thái Bình	DGT	thôn Phú Quý, Thái Bình	0,27	
XV	ĐẤT THỦY LỢI			0,05	
1	Trạm xử lý nước thải	DTL	thôn Thái Bình	0,05	DTL-01
	TỔNG			89,53	

Bảng 2: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên	506,15	100,00	506,15	100,00	506,15	100,00
1	Đất nông nghiệp	357,38	70,61	324,96	64,20	292,53	57,80
1.1	Đất trồng lúa	249,37	49,27	217,42	42,96	185,47	36,64
1.2	Đất trồng trọt khác	18,55	3,66	15,27	3,02	11,99	2,37
1.3	Đất rừng sản xuất	83,13	16,42	76,18	15,05	69,23	13,68
1.4	Đất rừng phòng hộ						
1.5	Đất rừng đặc dụng						
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	6,33	1,25	6,16	1,22	5,99	1,18
1.7	Đất làm muối						
1.8	Đất nông nghiệp khác			9,93	1,96	19,85	3,92
2	Đất xây dựng	113,85	22,49	148,34	29,31	182,83	36,12
2.1	Đất ở	63,59	12,56	68,67	13,57	73,76	14,57
2.2	Đất công cộng	2,66	0,53	2,82	0,56	2,98	0,59
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,43	0,09	1,08	0,21	1,73	0,34
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,04	0,01	0,07	0,01	0,11	0,02
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,19	0,04	23,38	4,62	46,57	9,20
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng						
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác			4,35	0,86	8,70	1,72
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	37,65	7,44	38,56	7,62	39,46	7,80
2.8.1	Đất giao thông	34,01	6,72	34,06	6,73	34,12	6,74
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn						
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,59	0,71	4,41	0,87	5,23	1,03
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,06	0,01	0,09	0,02	0,12	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	9,29	1,84	9,32	1,84	9,34	1,85
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,09	0,02	0,18	0,04
3	Đất khác	34,92	6,90	32,85	6,49	30,78	6,08
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	27,14	5,36	25,67	5,07	24,20	4,78
3.2	Đất chưa sử dụng	7,78	1,54	7,18	1,42	6,58	1,30

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

Trong thời gian tới cần tập trung ưu tiên dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trước, thứ tự ưu tiên như sau:

- Khu công sở xã (xây dựng, chỉnh trang khuôn viên công sở, tăng cường trang thiết bị làm việc).
- Nhà văn hoá các thôn (xây mới và cải tạo nâng cấp).
- Các trường học: nâng cấp và đầu tư mới thêm phòng, tăng cường nâng cấp trang thiết bị dạy và học, chỉnh trang khuôn viên các trường học.
- Khu chợ và dịch vụ thương mại (Đầu tư chỉnh trang, xây dựng mới chợ).
- Khu sản xuất kinh doanh, TTCN- làng nghề.
- Hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng (mở mới, mở rộng, tu bổ, cải tạo, nâng cấp, cứng hóa, bê tông hóa số km đường còn lại).
- Hệ thống cấp điện (tu bổ, cải tạo nâng cấp hệ thống đường điện).
- Quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới, cải tạo, chỉnh trang dân cư hiện trạng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân xã Tân Thọ có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thọ, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Tân Thọ tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Tân Thọ và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lợi Đức